

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

- |                           |                                      |
|---------------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông Đại Ngọc Giang     | Chủ tịch                             |
| 2. Ông Nguyễn Quang Thắng | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 09/08/2012)   |
| 3. Ông Nguyễn Quốc Chính  | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 09/08/2012) |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Hiền  | Ủy viên                              |
| 5. Ông Vũ Hoàng Chương    | Ủy viên                              |
| 6. Ông Nguyễn Quang Quyền | Ủy viên                              |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

- |                           |                                                                                     |
|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Quang Thắng | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/08/2012)<br>Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 09/08/2012) |
| 2. Ông Nguyễn Quốc Chính  | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/08/2012)                                          |
| 3. Ông Nguyễn Văn Quyền   | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/09/2012)                                        |
| 4. Ông Khuất Minh Toàn    | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/07/2012)                                      |

#### **Ban Kiểm soát**

- |                         |            |
|-------------------------|------------|
| 1. Bà Đoàn Thị Dung     | Trưởng Ban |
| 2. Ông Nguyễn Tuấn Linh | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Xuân Mạnh | Thành viên |

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lê Đức Tuấn

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**Đại Ngọc Giang**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Yên Bái, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**Nguyễn Quang Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013, trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

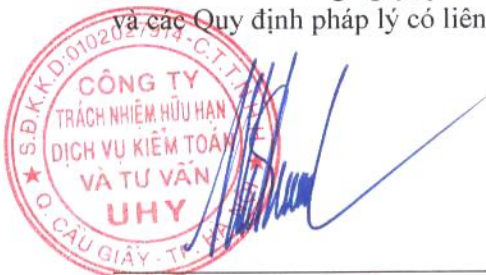
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tự Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**Nguyễn Văn Hải**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1395/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>297.339.603.654</b>	<b>183.797.593.578</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>178.048.247.482</b>	<b>47.470.758.050</b>
Tiền	111		5.959.933.352	16.963.270.550
Các khoản tương đương tiền	112		172.088.314.130	30.507.487.500
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.064.066.934</b>	<b>22.199.352.746</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	5	25.064.066.934	22.199.352.746
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>80.725.128.621</b>	<b>101.138.984.566</b>
Phải thu khách hàng	131		62.794.327.166	25.872.977.457
Trả trước cho người bán	132		1.151.875.519	500.780.386
Các khoản phải thu khác	135	6	16.792.294.016	74.828.251.744
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(13.368.080)	(63.025.021)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.194.162.490</b>	<b>10.962.506.624</b>
Hàng tồn kho	141	7	11.197.011.635	10.965.355.769
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.849.145)	(2.849.145)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.307.998.127</b>	<b>2.025.991.592</b>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.629.557.501	1.220.539.684
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	678.440.626	805.451.908
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>609.790.006.999</b>	<b>665.414.703.439</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>554.578.311.449</b>	<b>610.372.346.999</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	534.272.509.087	553.931.519.881
- Nguyên giá	222		1.386.941.328.306	1.346.890.307.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(852.668.819.219)	(792.958.787.963)
Tài sản cố định vô hình	227	10	19.509.325.894	19.920.492.334
- Nguyên giá	228		20.558.322.400	20.558.322.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.048.996.506)	(637.830.066)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	796.476.468	36.520.334.784
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54.365.000.000</b>	<b>54.365.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258	12	54.365.000.000	54.365.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>846.695.550</b>	<b>677.356.440</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		846.695.550	677.356.440
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>907.129.610.653</b>	<b>849.212.297.017</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35.389.442.650</b>	<b>40.713.801.904</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.389.442.650</b>	<b>31.504.242.229</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	9.619.830.880	8.982.593.428
Phải trả người bán	312		2.007.654.603	2.868.110.724
Người mua trả tiền trước	313		574.000.000	400.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.988.931.715	6.787.493.511
Phải trả người lao động	315		9.389.127.718	5.758.701.159
Chi phí phải trả	316	15	930.331.746	3.781.303.088
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	9.128.669.160	690.424.836
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.750.896.828	2.235.615.483
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>9.209.559.675</b>
Vay và nợ dài hạn	334		-	8.982.593.430
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	226.966.245
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>871.740.168.003</b>	<b>808.498.495.113</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>871.740.168.003</b>	<b>808.498.495.113</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		635.000.000.000	635.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.101.490.506	20.182.645.753
Quỹ đầu tư phát triển	417		83.451.380.430	72.870.285.181
Quỹ dự phòng tài chính	418		5.425.294.474	4.602.524.438
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		127.762.002.593	75.843.039.741
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>907.129.610.653</b>	<b>849.212.297.017</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Ngoại tệ các loại			-	-
USD			67.734,82	239.350,87
SGD			4.840	-



**Nguyễn Quang Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**Lê Đức Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Lê Hồng Minh**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	254.797.273.728	175.697.234.528
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		254.797.273.728	175.697.234.528
Giá vốn hàng bán	11	19&23	112.131.762.358	83.623.869.204
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142.665.511.370	92.073.365.324
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	14.195.277.432	13.892.034.186
Chi phí tài chính	22		2.341.639.246	2.493.002.410
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.339.377.249	2.493.002.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	19.385.109.810	20.650.061.295
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.134.039.746	82.822.335.805
Thu nhập khác	31		5.295.900.874	178.026.947
Chi phí khác	32		1.274.724.193	96.505.557
Lợi nhuận khác	40		4.021.176.681	81.521.390
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		139.155.216.427	82.903.857.195
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	11.448.143.536	7.115.747.157
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127.707.072.891	75.788.110.037
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	2.011	1.194



**Nguyễn Quang Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**Lê Đức Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Lê Hồng Minh**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	1		139.155.216.427	82.903.857.195
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		60.121.197.696	53.209.085.601
Các khoản dự phòng	3		37.166.315	-
Lãi/ (lỗ) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		2.082.578	(50.258.766)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(12.514.805.587)	(13.653.504.054)
Chi phí lãi vay	6		2.339.377.249	2.493.002.410
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	8		189.140.234.678	124.902.182.386
Tăng/ (giảm) các khoản phải thu	9		2.801.345.379	(2.972.269.523)
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(231.655.866)	11.809.868.992
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		25.049.624.104	(4.473.146.891)
Tăng chi phí trả trước	12		(169.339.110)	(677.356.440)
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.483.098.744)	(2.491.804.731)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(14.634.494.968)	(10.039.617.555)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(54.884.662)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		199.472.615.473	116.002.971.576
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.142.949.230)	(93.834.644.082)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.864.714.188)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	71.431.909.561
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.784.975.932	12.310.732.885
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(222.687.486)	(10.092.001.636)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		637.237.450	17.491.223.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.982.593.428)	(26.473.816.428)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(60.325.000.000)	(55.428.026.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(68.670.355.978)	(64.410.619.428)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		130.579.572.009	41.500.350.512
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4	47.470.758.050	5.920.148.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.082.578)	50.258.766
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	178.048.247.482	47.470.758.050



**Nguyễn Quang Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 28 tháng 02 năm 2013

**Lê Đức Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Lê Hồng Minh**  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN) theo Quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07/05/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 14/08/2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 635.000 triệu đồng Việt Nam, chia thành 63.500.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh HOSE với mã chứng khoán TBC, ngày chào sàn 19/10/2009.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 155 người (tại ngày 31/12/2011 là 166 người).

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất Công nghiệp Năng lượng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-ĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán nêu trên và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011. Việc bổ sung về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Theo đó, Công ty đã bổ sung thêm thuyết minh số 25 trình bày về công cụ tài chính.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Hàng tồn kho được hạch toán theo nguyên tắc kê khai thường xuyên. Khi cần thiết thì dự phòng được trích lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

**3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	9 - 15
Thiết bị văn phòng	5 - 10

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị của các tài sản do Công ty quyết định đầu tư, mua mới từ quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các công ty liên doanh, công ty liên kết và các công ty khác mà Công ty tham gia góp vốn; lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện; lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền cho vay hoặc ủy thác quản lý vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản cho vay và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước chi phí lãi vay phải trả và trích trước các khoản chi phí khác. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

Các khoản chi phí phải trả khác: là các chi phí đã phát sinh nhưng chưa có đủ hoá đơn chứng từ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi nhận được chứng từ nếu có chênh lệch so với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.14 THUẾ**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 13/10/2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Năm 2012, Công ty được hỗ trợ về thuế TNDN theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012 của Quốc Hội về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Theo đó, Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp năm 2012 do đáp ứng điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**3.16 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các đơn vị thành viên và Công ty con thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.413.431.010	964.765.631
Tiền gửi ngân hàng	4.546.502.342	15.998.504.919
Các khoản tương đương tiền (*)	172.088.314.130	30.507.487.500
	<b>178.048.247.482</b>	<b>47.470.758.050</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 25.064.066.934 đồng là khoản tiền ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, thời hạn ủy thác 1 năm kể từ ngày 06/02/2012, sau 3 tháng sẽ điều chỉnh lãi suất và nhập lãi vào gốc của khoản đầu tư.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nộp thừa	325.979.387	-
Phải thu tiền lãi dự tính của các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Trong đó:	1.341.630.454	612.868.466
<i>Công ty Tài chính CP Điện Lực</i>	<i>1.178.749.899</i>	<i>448.920.244</i>
<i>Ngân hàng NN&amp;PTNT Yên Bình</i>	<i>162.880.555</i>	<i>163.948.222</i>
Thuế Nhà thầu nộp hộ	22.131.394	710.624.443
Phải thu tiền thuế TNCN	2.233.013.677	2.464.411.955
Doanh thu điện chưa phát hành hóa đơn	11.662.738.082	62.531.071.819
Phải thu doanh thu dịch vụ chưa phát hành hóa đơn	-	1.341.781.818
Phải thu thuế VAT do chưa phát hành hóa đơn	1.166.273.808	6.426.714.419
Phải thu khác	40.527.214	740.778.824
	<b>16.792.294.016</b>	<b>74.828.251.744</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	10.782.097.763	10.668.972.626
Công cụ, dụng cụ	414.913.872	296.383.143
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>11.197.011.635</b>	<b>10.965.355.769</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2012 là số dư của các khoản tạm ứng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2012	20.558.322.400	20.558.322.400
- Mua trong năm	-	-
31/12/2012	<u>20.558.322.400</u>	<u>20.558.322.400</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2012	(637.830.066)	(637.830.066)
- Khấu hao trong năm	(411.166.440)	(411.166.440)
31/12/2012	<u>(1.048.996.506)</u>	<u>(1.048.996.506)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2012	<u>19.920.492.334</u>	<u>19.920.492.334</u>
31/12/2012	<u>19.509.325.894</u>	<u>19.509.325.894</u>

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng các mảnh đất 34.540 m<sup>2</sup> và 145.235,6 m<sup>2</sup>. Tổng giá trị quyền sử dụng hai mảnh đất nói trên đã được xác định trong tổng giá trị tài sản của Công ty Thủy điện Thác Bà tại thời điểm cổ phần hoá ngày 31/12/2004 được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) phê duyệt tại Quyết định số 2342/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 là: 19.993.316.400 đồng. Giá trị Quyền sử dụng đất này trước đây không xác định thời hạn nên trong thời gian từ năm 2006 - 2009 Công ty không thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất nói trên.

Năm 2009 Đoàn thanh tra tỉnh Yên Bái đã tiến hành thanh tra về việc giải quyết giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 145.235,6 m<sup>2</sup> với giá trị 17.524.039.000 đồng đã được xác định vào giá trị thực tế của phần vốn góp Nhà nước khi cổ phần hoá. Theo đó, Đoàn thanh tra xác định giá trị của diện tích đất này là một khoản đầu tư vốn của Ngân sách tỉnh Yên Bái vào Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Ngày 08 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành công văn số 2423/UBND-TNMT V/v xác định đơn giá giao đất có thu quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với tổng giá trị là 18.089.045.100 đồng. Ngày 09 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 239/QĐ-TTr về việc thu hồi số tiền nói trên từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nộp số tiền nói trên vào tài khoản của Thanh tra tỉnh Yên Bái tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Yên Bái.

Ngày 10/05/2010, Công ty đã được UBND Tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có thời hạn, diện tích đất có thời hạn sử dụng 45 năm là 41.066,1m<sup>2</sup>, diện tích đất có thời gian sử dụng là 65 năm là 145.235,6 m<sup>2</sup>. Giá trị Quyền sử dụng đất nói trên được phân bổ từ ngày 10/05/2010 theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 50 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2012	628.410.433.077	696.564.234.148	16.187.384.155	5.662.074.646	66.181.818	1.346.890.307.844
- Mua trong năm		348.945.145		148.335.273	65.181.818	562.462.236
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	40.449.704.289				40.449.704.289
- Thanh lý, nhượng bán	(455.924.160)	-	(505.221.903)	-	-	(961.146.063)
<b>31/12/2012</b>	<b>627.954.508.917</b>	<b>737.362.883.582</b>	<b>15.682.162.252</b>	<b>5.810.409.919</b>	<b>131.363.636</b>	<b>1.386.941.328.306</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2012	(332.648.915.293)	(442.760.398.310)	(12.608.383.634)	(4.938.894.026)	(2.196.700)	(792.958.787.963)
- Khấu hao trong năm	(18.800.357.018)	(40.804.805.852)	(697.581.248)	(331.747.215)	(7.932.330)	(60.642.423.663)
- Tăng khác	(28.753.656)	-	-	-	-	(28.753.656)
- Thanh lý, nhượng bán	455.924.160	-	505.221.903	-	-	961.146.063
<b>31/12/2012</b>	<b>(351.022.101.807)</b>	<b>(483.565.204.162)</b>	<b>(12.800.742.979)</b>	<b>(5.270.641.241)</b>	<b>(10.129.030)</b>	<b>(852.668.819.219)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2012	295.761.517.784	253.803.835.838	3.579.000.521	723.180.620	63.985.118	553.931.519.881
<b>31/12/2012</b>	<b>276.932.407.110</b>	<b>253.797.679.420</b>	<b>2.881.419.273</b>	<b>539.768.678</b>	<b>121.234.606</b>	<b>534.272.509.087</b>
<b>Trong đó</b>						
31/12/2012						
- Giá trị còn lại TSCĐ đã thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay		145.454.911.639	-	-	-	145.454.911.639
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.174.060.556	302.932.339.011	7.420.829.324	2.839.212.399	-	316.366.441.290

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	34.575.943.552
- Nâng cấp và HĐH hệ thống đo lường điều khiển		34.575.943.552
- Dự án Đại tu phục hồi tổ máy số 3	-	-
Sửa chữa lớn Tài sản cố định (*)	796.476.468	1.944.391.232
- Đại tu đập chính	361.539.992	361.539.992
- Đại tu hệ thống rơ le bảo vệ đường dây 110KV	63.868.387	-
- Trung tu máy 2 năm 2012	190.803.521	-
- Đại tu trạm bơm cao trình 34 năm 2012	123.663.494	-
- Đại tu nền sàn gian máy 33-34	-	1.009.867.997
- Đại tu hội trường lớn và nhà ăn tập thể	-	389.181.101
- Sửa chữa lớn TSCĐ khác	56.601.074	183.802.142
	<b>796.476.468</b>	<b>36.520.334.784</b>

(\*) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh thực tế đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Đồng thời chi phí này cũng được phản ánh tương ứng trong khoản mục “Chi phí phải trả” (chi tiết phần xây dựng cơ bản). Số dư chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định nằm trên 2 khoản mục nêu trên sẽ được tất toán khi các công trình được hoàn thành và được phê duyệt quyết toán chính thức.

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012			01/01/2012		
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	5.000.000	54.365.000.000	1%	5.000.000	54.365.000.000	1%
	<b>5.000.000</b>	<b>54.365.000.000</b>	<b>1%</b>	<b>5.000.000</b>	<b>54.365.000.000</b>	<b>1%</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	637.237.450	-
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	8.982.593.430	8.982.593.428
	<b>9.619.830.880</b>	<b>8.982.593.428</b>

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2012 là khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2012 cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng Vay dài hạn số 60/2009/HĐTD-DH-DN/TCĐL ngày 16/09/2009 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP)**

Tổng giá trị hợp đồng 130,5 tỷ đồng. Thời gian vay là 4 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi hoàn trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí khác. Lãi suất trong hạn được tính bằng tổng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tại Sở giao dịch của 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư đại tu phục hồi tổ máy số 3 theo phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 17/07/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay dài hạn trên là tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay và vốn tự có của Công ty.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	563.386.893	5.001.505.746
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.685.805.088
Thuế thu nhập cá nhân	215.008.226	100.182.677
Các loại thuế khác (*)	1.210.536.596	-
	<b>1.988.931.715</b>	<b>6.787.493.511</b>

(\*) Bao gồm: Tiền thuế GTGT đầu ra tiền điện phải nộp chưa xuất hóa đơn số tiền là 1.166.273.808 đồng và tiền thuế nhà thầu nộp hộ nhà thầu số tiền là 44.262.788 đồng.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (*)	791.801.594	1.944.391.107
Chi phí lãi vay	-	143.721.495
Chi phí hoạt động dịch vụ	-	1.620.150.486
Chi phí phải trả khác	138.530.152	73.040.000
	<b>930.331.746</b>	<b>3.781.303.088</b>

(\*) Là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định tương ứng với số dư trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” như đã trình bày tại thuyết minh số 11.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	-	71.075
Kinh phí công đoàn	379.511.244	113.492.985
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.749.157.916	576.860.776
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>157.320.000</i>	-
<i>Phí dịch vụ môi trường rừng (*)</i>	<i>7.805.376.320</i>	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>786.461.596</i>	<i>576.860.776</i>
	<b>9.128.669.160</b>	<b>690.424.836</b>

(\*) Đây là khoản phí dịch vụ môi trường rừng năm 2012, Công ty phải trả cho Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>01/01/2011</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>6.599.666.180</b>	<b>54.884.662</b>	<b>77.775.201.955</b>	<b>3.556.317.344</b>	<b>53.756.707.596</b>	<b>776.742.777.737</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	75.788.110.037	75.788.110.037
- Tăng khác	-	13.582.979.573	-	-	-	-	13.582.979.573
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(38.100.000.000)	(38.100.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	8.678.062.799	1.046.207.094	(15.524.269.892)	(5.799.999.999)
- Giảm khác	-	-	(54.884.662)	(13.582.979.573)	-	(77.508.000)	(13.715.372.235)
<b>31/12/2011</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>20.182.645.753</b>	<b>-</b>	<b>72.870.285.181</b>	<b>4.602.524.438</b>	<b>75.843.039.741</b>	<b>808.498.495.113</b>
<b>01/01/2012</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>20.182.645.753</b>	<b>-</b>	<b>72.870.285.181</b>	<b>4.602.524.438</b>	<b>75.843.039.741</b>	<b>808.498.495.113</b>
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	127.707.072.891	127.707.072.891
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(60.325.000.000)	(60.325.000.000)
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	10.499.940.002	822.770.036	(15.463.110.039)	(4.140.400.001)
- Giảm khác	-	(81.155.247)	-	81.155.247	-	-	-
<b>31/12/2012</b>	<b>635.000.000.000</b>	<b>20.101.490.506</b>	<b>-</b>	<b>83.451.380.430</b>	<b>5.425.294.474</b>	<b>127.762.002.593</b>	<b>871.740.168.003</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 số 498/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2012 của Công ty về việc phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận và mức cổ tức năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	342.900.000.000	342.900.000.000
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	<i>190.500.000.000</i>	<i>190.500.000.000</i>
<i>Tổng Công ty ĐT &amp; KD vốn Nhà nước</i>	<i>152.400.000.000</i>	<i>152.400.000.000</i>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	41.542.900.000	38.737.600.000
Công ty cổ phần Cơ điện lạnh	152.198.880.000	152.198.880.000
Các cổ đông khác	98.358.220.000	101.163.520.000
	<b>635.000.000.000</b>	<b>635.000.000.000</b>

**17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	60.325.000.000	38.100.000.000

**17.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**17.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	83.451.380.430	72.870.285.181
Quỹ dự phòng tài chính	5.425.294.474	4.602.524.438
	<b>88.876.674.904</b>	<b>77.472.809.619</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán điện	252.481.301.043	171.547.511.394
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.315.972.685	4.149.723.134
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>254.797.273.728</b>	<b>175.697.234.528</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán điện	112.029.340.180	83.442.880.147
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	102.422.178	180.989.057
	<b>112.131.762.358</b>	<b>83.623.869.204</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.514.805.587	13.653.504.054
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.680.292.426	188.271.366
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	179.419	50.258.766
	<b>14.195.277.432</b>	<b>13.892.034.186</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>139.155.216.427</b>	<b>82.903.857.195</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	-	-
- Khấu hao TSCĐ vô hình năm 2012 phần giá trị tăng thêm khi cổ phần hóa	49.385.540	38.085.428
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT	175.500.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.261.997	-
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	37.166.315	-
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>		
-Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(179.419)	(50.258.766)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>139.419.350.860</b>	<b>82.891.683.857</b>
Doanh thu của hoạt động không được hưởng ưu đãi	2.315.972.685	4.149.723.134
Giá vốn	102.422.178	180.989.057
Chi phí quản lý của phần dịch vụ	440.417.190	3.457.441.399
Thu nhập chịu thuế của hoạt động không được hưởng ưu đãi	1.773.133.317	511.292.678
Thu nhập chịu thuế khác không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN	14.310.571.212	11.430.294.400
Phần thu nhập chịu thuế không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN	16.083.704.529	11.941.587.078
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.020.926.132</b>	<b>2.985.396.770</b>
Thu nhập được tính theo ưu đãi thuế	123.335.646.331	70.950.096.779
Thuế suất 20%, giảm 50% thuế phải nộp	10%	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.333.564.633</b>	<b>7.095.009.678</b>
<b>Thuế TNDN năm 2012 từ hoạt động kinh doanh và hoạt động khác</b>	<b>16.354.490.765</b>	<b>10.080.406.447</b>
Thuế TNDN được hưởng ưu đãi theo Nghị định 06/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 cho năm 2012 và Nghị định 101/2001/NĐ-CP ngày 04/11/2011 cho năm 2011	4.906.347.230	3.024.121.934
Chi phí thuế TNDN bổ sung theo Biên bản thanh tra thuế	-	59.462.644
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11.448.143.536</b>	<b>7.115.747.157</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	127.707.072.891	75.788.110.038
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	63.500.000	63.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.011</b>	<b>1.194</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.707.329.633	2.812.671.537
Chi phí nhân công	31.286.862.989	27.799.128.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.053.590.103	53.180.332.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.101.801.685	6.116.686.683
Chi phí khác bằng tiền	33.367.287.758	14.365.111.234
	<b>131.516.872.168</b>	<b>104.273.930.499</b>

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày như tại Thuyết minh số 3.15.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.048.247.482	47.470.758.050
Đầu tư ngắn hạn	25.064.066.934	22.199.352.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.486.429.846	100.614.405.945
Đầu tư dài hạn khác	54.365.000.000	54.365.000.000
<b>Tổng</b>	<b>336.963.744.262</b>	<b>224.649.516.741</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	9.619.830.880	17.965.186.858
Phải trả người bán	2.007.654.603	2.868.110.724
Chi phí phải trả	-	143.721.495
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.128.669.160	690.424.836
<b>Tổng</b>	<b>20.756.154.643</b>	<b>21.667.443.913</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>316.207.589.619</b>	<b>202.982.072.828</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các loại công cụ tài chính**

Tại ngày 31/12/2012 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc Quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Chi tiết số dư gốc ngoại tệ như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tài sản</b>	<b>67.735</b>	<b>239.351</b>
- Tiền gửi ngân hàng (USD)	67.735	239.351
- Tiền mặt (SGD)	4.840	-

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Công ty tài chính Cổ phần Điện lực năm 2009, Công ty chịu rủi ro lãi suất do vay vốn với lãi suất được tính bằng tổng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tại Sở giao dịch của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam, Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam cộng với mức biên tính theo năm. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì tỷ lệ dư nợ vay hợp lý.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2012</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	9.619.830.880	-	9.619.830.880
Phải trả người bán	2.007.654.603	-	2.007.654.603
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	9.128.669.160	-	9.128.669.160
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
	<b>20.756.154.643</b>	<b>-</b>	<b>20.756.154.643</b>
<b>31/12/2011</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	8.982.593.428	-	8.982.593.428
Phải trả người bán	2.868.110.724	-	2.868.110.724
Chi phí phải trả	143.721.495	-	143.721.495
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	690.424.836	-	690.424.836
Vay và nợ dài hạn	-	8.982.593.430	8.982.593.430
	<b>12.684.850.483</b>	<b>8.982.593.430</b>	<b>21.667.443.913</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm gốc và lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp)**

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.048.247.482	-	178.048.247.482
Đầu tư ngắn hạn	25.064.066.934	-	25.064.066.934
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.486.429.846	-	79.486.429.846
Đầu tư dài hạn (*)	-	54.365.000.000	54.365.000.000
	<b>282.598.744.262</b>	<b>54.365.000.000</b>	<b>336.963.744.262</b>
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.470.758.050	-	47.470.758.050
Đầu tư ngắn hạn	22.199.352.746	-	22.199.352.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.614.405.945	-	100.614.405.945
Đầu tư dài hạn (*)	-	54.365.000.000	54.365.000.000
	<b>170.284.516.741</b>	<b>54.365.000.000</b>	<b>224.649.516.741</b>

(\*) Đã được nêu trong Thuyết minh số 12.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả có thời gian quá hạn tính từ ngày đáo hạn theo hợp đồng đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Các số tiền được trình bày trong bảng này là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>	<b>8.510.487.621</b>	<b>707.732.936</b>
Quá hạn dưới 1 năm	7.805.376.320	21.945.000
Quá hạn từ 1 năm trở lên	705.111.301	685.787.936
<b>Phải trả khác</b>	<b>242.881.994</b>	<b>207.104.994</b>
Quá hạn từ 1 năm trở lên	242.881.994	207.104.994

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro tín dụng (tiếp)**

*Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị suy giảm giá trị:*

Xem chi tiết tại phần thuyết minh quản lý rủi ro thanh khoản.

*Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:*

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn nhưng không suy giảm giá trị bao gồm:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>1.370.838.091</b>	<b>889.656.000</b>
Quá hạn dưới 1 năm	1.370.838.091	889.656.000
Quá hạn từ 1 năm trở lên	1.794.332.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>23.674.809</b>	<b>276.234.787</b>
Quá hạn từ 1 năm trở lên	23.674.809	276.234.787

*Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị (tiếp):*

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan chi tiết như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Giá trị ghi sổ</b>		
Tổng gộp	100.191.336	86.823.256
Trừ: Dự phòng giảm giá trị	(100.191.336)	(63.025.021)
	<b>-</b>	<b>23.798.235</b>
<b>Dự phòng giảm giá trị</b>		
Số dư đầu kỳ	(63.025.021)	(44.559.456)
Dự phòng Tăng	(37.166.315)	(18.465.565)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(100.191.336)</b>	<b>(63.025.021)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực kiểm toán số 28 Báo cáo bộ phận: Do đặc thù của Công ty là địa điểm sản xuất kinh doanh nằm trên một khu vực địa lý và doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nên Công ty chưa áp dụng Chuẩn mực số 28 về việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo bộ phận.

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt	252.481.301.043	171.547.511.394
<b>Lãi tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.898.554.171	10.578.237.824
<b>Lãi vay dài hạn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.339.377.249	2.492.995.589
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
Công ty cổ phần điện máy REE	36.782.760	
Trung tâm viễn thông Điện Lực Miền bắc	-	-
Công ty tư vấn xây dựng điện I	36.802.313	-
CT CP tư vấn xây dựng điện II	651.955.574	-
CT TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Bắc	189.026.460	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Lương và thù lao Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Tổng giám đốc năm 2012

<u>Hội đồng Quản trị</u>		Lương và phụ cấp VND	Thù lao TVHĐQT VND
1. Ông Đại Ngọc Giang	Chủ tịch	731.250.000	-
2. Ông Nguyễn Quang Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 09/08/2012)	-	19.500.000
3. Ông Nguyễn Quốc Chính	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 09/08/2012)	-	27.300.000
4. Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên	-	58.500.000
5. Ông Vũ Hoàng Chương	Ủy viên	-	58.500.000
6. Ông Nguyễn Quang Quyền	Ủy viên	-	58.500.000
		<b>731.250.000</b>	<b>222.300.000</b>
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			Lương và phụ cấp VND
1. Ông Nguyễn Quang Thắng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/08/2012)		474.908.900
2. Ông Nguyễn Quốc Chính	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/08/2012)		389.828.125
3. Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/09/2012)		282.956.422
4. Ông Khuất Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10/07/2012)		278.173.438
			<b>1.425.866.885</b>
<u>Ban Kiểm soát</u>			Thù lao Ban kiểm soát VND
1. Bà Đoàn Thị Dung	Trưởng Ban		58.500.000
2. Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên		39.000.000
3. Ông Nguyễn Xuân Mạnh	Thành viên		39.000.000
			<b>136.500.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**


Số dư với các bên liên quan:


	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản tiền ủy thác quản lý vốn</b>		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	25.064.066.934	22.199.352.746
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	54.365.000.000	54.365.000.000
<b>Vay và Nợ ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	637.237.450	-
Công ty Tài chính CP Điện Lực	8.982.593.428	8.982.593.428
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	59.615.788.995	3.487.014.647
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12.829.011.890	68.957.786.238
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty cổ phần điện máy REE	22.374.426	-
<b>Phải trả người bán</b>		
Trung tâm viễn thông Điện Lực Miền bắc	240.326.900	279.750.848
Công ty tư vấn xây dựng điện I	440.617.405	403.815.092
CT CP tư vấn xây dựng điện II	651.955.574	745.092.084
CT TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Bắc	189.026.460	-
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	157.320.000	-


**26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán.



  
**Nguyễn Quang Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Yên Bái, ngày 28 tháng 02 năm 2013

  
**Lê Đức Tuấn**  
Kế toán trưởng

  
**Lê Hồng Minh**  
Người lập biểu